

Bản tin Phân tích kỹ thuật

31/07/2026

Vietcap ▲



Vũ Minh Đức

Phó Giám đốc

duc.vu@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng

Chuyên viên

dang.le@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 thu hẹp đà giảm quanh khu vực 1.865 điểm, tạo nên quán tính hồi phục kiểm định lại khu vực 1.880 điểm trong phiên 03/08. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.873 điểm với mục tiêu là ngưỡng 1.882 điểm. Vị thế mua nên được dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa vi phạm ngưỡng 1.867 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.873 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.882 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.867 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tiêu cực
VN30	Trung tính	Tiêu cực
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Trung tính

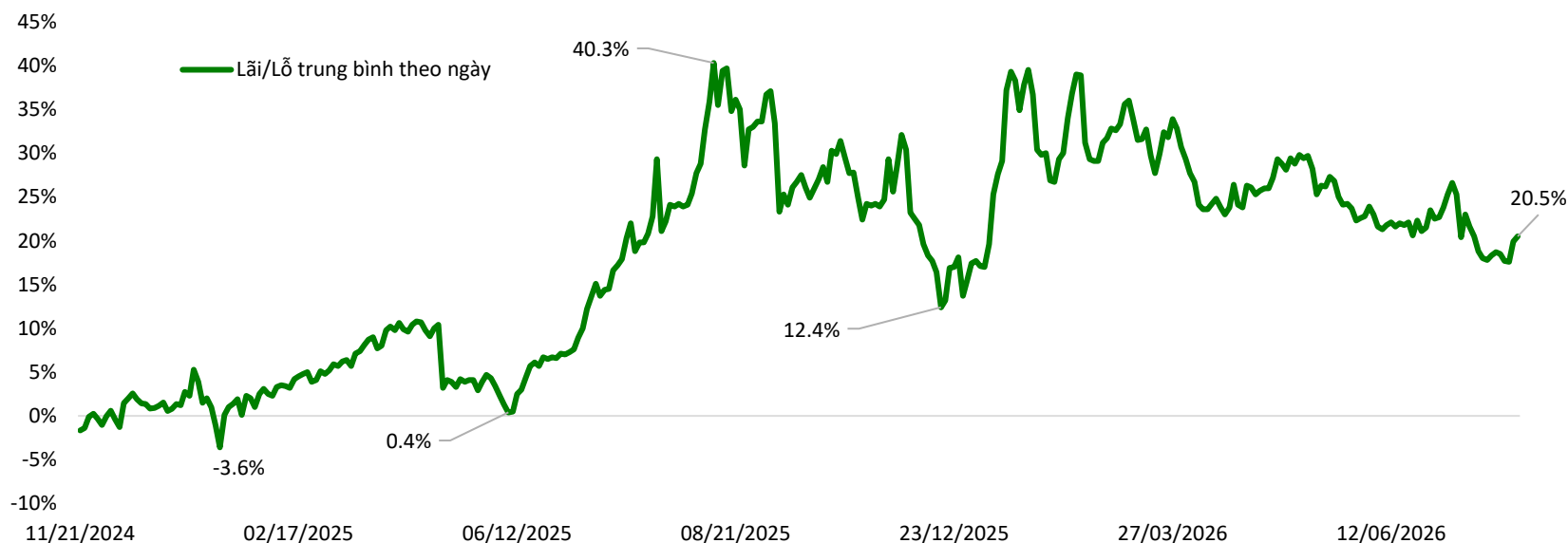


Nguồn: Vietcap

- VN-Index điều chỉnh giảm với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 200 mã giảm so với 126 mã tăng. Tuy nhiên, thanh khoản thấp cho thấy áp lực bán được tiết chế. Về ngành, thị trường không ghi nhận lực bán nổi bật trên diện rộng, ngoại trừ nhóm Dầu khí. Ở chiều ngược lại, lực cầu mang tính chọn lọc cao và chỉ cải thiện cục bộ tại nhóm Ngân hàng quốc doanh và Bán lẻ.
- Về mặt kỹ thuật, nhịp điều chỉnh phiên 31/07 mang tính chất củng cố cho giai đoạn hồi phục hiện tại và chưa làm suy yếu tín hiệu tạo đáy quanh vùng 1.650 điểm. Hỗ trợ gần nằm tại khu vực 1.700–1.720 điểm. Dự báo VN-Index có thể xuất hiện thêm một vài phiên rung lắc hoặc giảm nhẹ trên vùng hỗ trợ này trước khi hướng lên khu vực 1.770–1.800 điểm.
- Đánh giá rủi ro, nhịp hồi phục hiện tại chưa bị áp lực bán vùng giá cao làm suy yếu, nhưng mức độ phân hóa còn cao và dòng tiền vẫn mang tính chọn lọc. Trong tuần tới, bên cạnh nhóm Ngân hàng quốc doanh và Bán lẻ, nhóm Ngân hàng tư nhân cũng có khả năng đóng góp tích cực về mặt điểm số, qua đó hỗ trợ VN-Index duy trì giai đoạn hồi phục.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
VNM	30/07/2026		Đang mở	60,900	59,800	1.8%	58,000	65,000	59,800	
GMD	31/07/2026		Đang mở	77,000	75,000	2.7%	72,000	85,000		
VIC	31/07/2026		Đang mở	214,100	215,000	-0.4%	204,000	247,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	214,100	-2.68%	0.47%	1,661,884	-10.169	2,921	9.8	73.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	59,300	4.96%	9.61%	495,492	5.602	4,984	2.0	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	38,000	2.01%	5.56%	276,642	1.271	4,549	1.4	8.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,800	1.15%	6.21%	239,222	0.627	5,172	1.2	6.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	21,900	-2.01%	-2.67%	127,117	-0.584	2,701	1.3	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	66,100	-2.65%	3.44%	96,531	-0.584	4,637	2.4	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDB	25,200	-1.95%	-2.51%	126,133	-0.560	3,897	1.5	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	141,000	-1.33%	4.44%	184,344	-0.559	5,433	9.9	26.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCB	28,950	-1.19%	1.22%	205,147	-0.559	3,829	1.2	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	51,800	-1.52%	-1.15%	154,741	-0.537	3,780	3.6	13.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BSR	25,350	-1.36%	5.63%	126,935	-0.394	3,933	1.7	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPB	24,800	-0.80%	-0.60%	196,761	-0.359	3,758	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	124,400	6.96%	15.40%	22,245	0.353	6,359	4.6	19.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	11,500	-2.13%	-2.54%	61,453	-0.298	2,583	0.8	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	41,000	0.99%	4.59%	113,753	0.256	2,237	2.5	18.3	Trung tính			

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	111,800	9.93%	18.94%	33,540	15.636	11,736	5.1	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	119,700	-3.23%	-2.68%	46,084	-6.995	396	9.1	302.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	11,400	-1.72%	1.79%	33,341	-2.698	155	2.3	73.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	18,000	-2.17%	-3.23%	18,017	-1.839	1,828	1.5	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,100	-2.01%	-0.29%	17,439	-1.647	4,107	1.1	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	15,200	-2.56%	0.00%	13,672	-1.646	1,119	1.1	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	56,700	-9.86%	3.47%	2,835	-1.312	2,718	2.8	20.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	78,500	0.38%	1.95%	70,633	1.272	17,023	3.3	4.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DTK	10,600	-3.64%	-3.64%	7,237	-1.235	1,245	0.8	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	16,000	3.23%	7.38%	5,600	0.848	1,408	1.1	11.4	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	81,100	2.92%	5.05%	245,578	0.098	4,019	6.5	20.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	50,600	-2.69%	-0.39%	62,377	-0.023	2,296	4.0	22.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	39,200	-0.76%	1.29%	141,083	-0.015	3,117	1.9	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	63,400	-1.71%	2.26%	47,231	-0.011	4,936	3.7	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	500,000	4.17%	2.04%	14,858	0.008	15,830	16.2	31.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	36,800	1.38%	9.85%	40,640	0.008	2,209	2.8	16.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VUA	17,900	11.18%	2.87%	4,060	0.006	616	2.0	32.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
OIL	13,000	-2.99%	-2.26%	13,524	-0.006	588	1.3	22.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGB	11,500	-8.73%	-8.00%	4,222	-0.005	56	1.0	207.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
LDW	23,300	-14.96%	-14.96%	1,836	-0.004	997	2.0	23.4	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

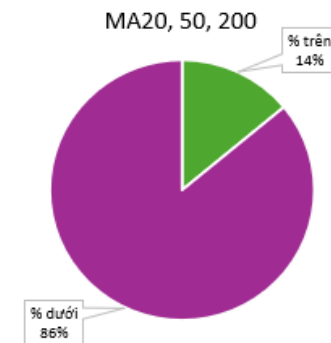
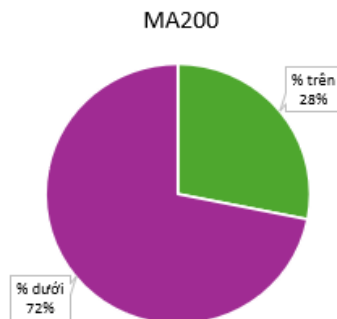
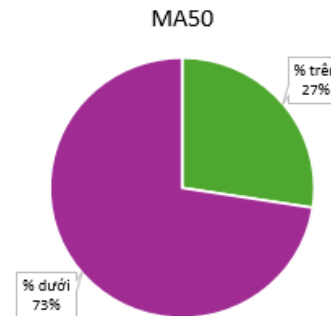
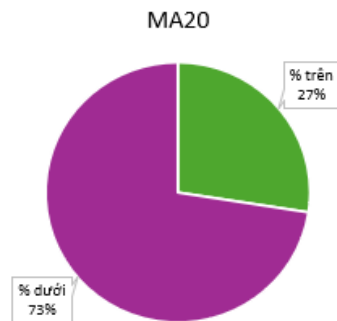
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ASP	11,900	6.7%	6.4	3.1	4,370	11,600	1.0	3.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KHG	4,720	-0.2%	8.9	16.9	4,730	8,700	0.4	31.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	3,200	14.3%	10.4	1.5	1,700	8,100	-1.1	-1.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,300	5.0%	1085.1	256.2	54,000	75,369	2.0	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	153,300	3.5%	41.9	25.2	114,643	178,586	4.4	9.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			31/07/2026	30/07/2026	29/07/2026	28/07/2026	27/07/2026	24/07/2026	23/07/2026	22/07/2026
VNINDEX	MA200	Trên	20%	21%	19%	18%	18%	19%	19%	17%
		Dưới	80%	79%	81%	82%	82%	81%	81%	83%
	MA50	Trên	23%	25%	20%	18%	18%	18%	19%	17%
		Dưới	77%	75%	80%	82%	82%	82%	81%	83%
	MA20	Trên	27%	27%	16%	15%	15%	14%	14%	12%
		Dưới	73%	73%	84%	85%	85%	86%	86%	88%
VN30	MA200	Trên	23%	23%	23%	20%	20%	20%	23%	23%
		Dưới	77%	77%	77%	80%	80%	80%	77%	77%
	MA50	Trên	20%	20%	20%	20%	20%	17%	20%	13%
		Dưới	80%	80%	80%	80%	80%	83%	80%	87%
	MA20	Trên	17%	17%	7%	10%	10%	7%	10%	7%
		Dưới	83%	83%	93%	90%	90%	93%	90%	93%
HNX	MA200	Trên	27%	27%	25%	25%	27%	27%	27%	29%
		Dưới	73%	73%	75%	75%	73%	73%	73%	71%
	MA50	Trên	26%	23%	20%	20%	23%	24%	23%	25%
		Dưới	74%	77%	80%	80%	77%	76%	77%	75%
	MA20	Trên	27%	27%	25%	25%	27%	27%	27%	29%
		Dưới	73%	73%	75%	75%	73%	73%	73%	71%
UPCOM	MA200	Trên	28%	27%	26%	25%	24%	24%	26%	26%
		Dưới	72%	73%	74%	75%	76%	76%	74%	74%
	MA50	Trên	31%	31%	30%	29%	29%	29%	32%	30%
		Dưới	69%	69%	70%	71%	71%	71%	68%	70%
	MA20	Trên	32%	33%	32%	32%	32%	31%	33%	33%
		Dưới	68%	67%	68%	68%	68%	69%	67%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	15	Tháng 7																			
		31 ↓	30	29	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06
1	Ô tô và phụ tùng	56	54	54	52	51	51	50	50	50	48	49	48	48	47	47	48	51	51	52	42
2	Tài nguyên Cơ bản	54	51	48	45	45	41	41	41	36	38	39	34	36	34	44	47	50	50	51	52
3	Bán lẻ	42	35	29	24	24	28	27	25	27	30	31	35	39	38	37	43	45	43	44	49
4	Thực phẩm và đồ uống...	42	41	36	33	31	31	34	36	36	39	41	40	41	42	42	45	46	47	48	50
🔻 5	Điện, nước & xăng d...	37	36	36	36	36	37	37	38	39	44	48	39	39	39	38	41	39	39	40	43
🔻 6	Ngân hàng	35	33	32	32	33	34	36	38	41	44	46	45	46	48	51	56	62	64	65	66
7	Dịch vụ tài chính	34	30	28	25	30	35	35	34	36	40	45	44	48	50	53	61	67	68	68	70
8	Đầu khí	31	30	29	28	31	25	23	23	32	37	46	49	53	43	32	32	32	25	22	26
🔻 9	Xây dựng và Vật liệu	31	28	27	28	27	27	26	25	27	29	34	34	37	36	36	37	40	41	41	44
🔻 10	Hóa chất	30	28	24	24	24	23	23	24	25	29	32	32	33	32	32	38	41	37	34	37
🔻 11	Hàng & Dịch vụ Côn...	29	29	24	22	23	24	25	26	25	30	33	34	36	37	35	37	41	42	43	47
🔻 12	Bất động sản	27	26	22	20	21	21	20	21	22	24	27	26	27	28	28	29	33	33	33	38
13	Du lịch và Giải trí	26	24	22	22	23	25	26	28	31	33	39	39	42	48	49	51	55	54	56	57
14	Công nghệ Thông tin	23	20	18	17	16	17	17	16	20	24	21	22	27	30	33	36	37	39	45	35
15	Hàng cá nhân & Gia ...	23	21	17	16	16	17	16	15	15	16	20	22	22	24	23	24	25	27	32	34

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	148,100	0.1%	13.9%	608,308	2.3	7.6	19,436	859.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VNM	60,900	-0.5%	3.4%	127,278	4.0	11.6	5,246	271.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	111,800	9.9%	18.9%	33,540	5.1	9.5	11,736	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	77,000	0.8%	5.2%	32,840	2.4	12.7	6,061	168.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	63,900	-1.5%	0.5%	20,451	3.8	51.1	1,250	102.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	37,400	-1.6%	6.9%	12,252	1.8	10.0	3,743	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
BAF	29,700	0.2%	2.8%	10,835	2.5	114.6	259	27.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
ORS	13,850	-2.5%	5.7%	8,641	1.1	16.8	822	45.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PET	38,000	0.0%	6.3%	5,880	2.4	19.1	1,989	10.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VVS	101,000	2.2%	-1.4%	4,348	4.1	3.6	27,871	14.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	32,900	-0.2%	12.5%	3,496	1.4	6.4	5,172	11.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
CLI	28,200	6.0%	2.5%	2,515	0.0	0.0	0	16.3	Tích cực	9.5			
VTZ	20,400	0.0%	0.5%	1,554	1.7	22.9	891	20.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MST	10,300	-1.0%	6.2%	1,170	1.0	37.1	278	31.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HVH	11,800	3.5%	9.8%	824	1.1	10.7	1,105	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
ASP	11,900	6.7%	17.2%	444	1.0	3.4	3,520	6.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNI	6,750	-2.2%	6.8%	354	0.7	6.3	1,078	13.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	17,400	0.0%	0.6%	27,895	1.2	6.0	2,911	61.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	153,300	3.5%	2.2%	12,549	4.4	9.8	15,674	41.9	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ABW	14,100	0.7%	2.9%	4,251	1.1	5.2	2,705	5.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	31,000	-4.6%	0.8%	15,863	1.1	5.5	5,673	539.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	11,450	-3.4%	-4.2%	11,425	0.9	18.5	619	72.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	4,720	-0.2%	-1.5%	2,121	0.4	31.9	148	8.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,600	-0.6%	-4.0%	1,953	0.8	8.9	1,873	37.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSH	13,000	-7.1%	-5.8%	464	0.7	0.9	14,731	7.5	Tiêu cực	-9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	14,800	0.0%	-0.7%	15,811	1.5	31.1	476	78.5	Tiêu cực	-8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	25,200	-1.9%	-2.5%	126,133	1.5	6.5	3,897	225.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	21,500	-1.4%	1.4%	66,897	7.1	13.7	1,574	20.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	14,100	-2.1%	-0.7%	39,114	0.9	5.1	2,778	150.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	35,700	-1.7%	-5.3%	36,950	1.7	10.8	3,294	17.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVD	18,150	-4.0%	-4.5%	16,839	1.0	14.2	1,282	103.0	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	13,000	-3.0%	-2.3%	13,524	1.3	22.3	588	15.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	52,600	-2.8%	-2.4%	11,017	1.2	8.2	6,457	13.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	11,400	-1.3%	-2.6%	10,398	0.9	33.0	345	46.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TOS	91,700	-1.0%	-10.1%	6,866	2.9	6.7	13,720	5.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDG	16,150	-2.1%	-0.9%	6,572	1.0	9.0	1,803	21.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	43,400	0.0%	-0.2%	4,162	2.7	5.9	7,370	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	9,520	-2.9%	-3.6%	4,113	0.5	92.9	102	8.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	25,500	-1.2%	1.2%	3,530	2.3	49.2	518	22.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	17,650	-1.7%	-4.1%	3,177	1.1	19.9	887	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,890	1.02%	3.49%	25,500	189.8%	(337)	0.8	-26.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KDH	17,450	-0.29%	0.29%	42,600	143.4%	1,565	1.1	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	22,200	3.02%	3.98%	45,800	112.5%	1,407	0.9	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,400	-1.72%	-2.56%	21,400	84.5%	2,909	0.9	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,500	1.81%	3.21%	40,500	83.3%	1,048	1.5	21.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	37,850	0.26%	7.30%	66,800	77.0%	3,173	2.0	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,700	-1.42%	2.97%	48,900	74.0%	3,441	1.1	8.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,150	-2.12%	-0.92%	28,700	73.9%	1,803	1.0	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,100	-2.01%	-0.29%	60,000	72.4%	4,107	1.1	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,450	0.37%	3.86%	23,100	72.4%	1,983	0.7	6.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	18,300	0.83%	8.61%	30,800	69.7%	2,711	1.0	6.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	18,800	-2.59%	2.17%	31,900	65.3%	1,738	1.1	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,800	1.15%	6.21%	50,000	64.2%	5,172	1.2	6.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	30,700	-1.76%	3.89%	51,000	63.2%	4,945	1.4	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,700	-0.46%	4.33%	35,400	62.4%	2,750	1.3	7.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	32,600	0.31%	-2.10%	52,700	62.2%	5,201	2.0	6.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	10,300	-2.83%	1.98%	17,000	60.4%	183	0.9	56.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	22,500	0.00%	2.74%	36,000	60.0%	3,734	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	33,500	0.30%	2.60%	52,000	55.7%	6,044	1.0	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	124,400	6.96%	15.40%	180,100	54.9%	6,359	4.6	19.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn